

Thép Nam Kim (NKG)

Cập nhật hoạt động kinh doanh tháng 9

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) đã công bố một số tiêu đề đáng chú ý về doanh số tháng 9 của công ty. Dưới đây là một số vấn đề chính đáng lưu ý.

Doanh số nội địa tháng 9 cải thiện

- Tổng sản lượng thép bán ra trong tháng 9 đạt 62,454 tấn, tăng 11.9% t/t và giảm 39.2% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Sản lượng thép tôn chiếm 69.1% tổng sản lượng tiêu thụ tháng 9, đạt 43,159 tấn, -55.5% n/n.
- Sản lượng xuất khẩu thép tôn (23,067 tấn) giảm 20.0% t/t và 71.9% so với cùng kỳ năm ngoái, cho thấy nhu cầu trên toàn cầu yếu.
- Sản lượng thép tôn trong nước đạt 20,092 tấn (+40.1% t/t, +36.8% n/n) và sản lượng ống thép đạt 19,295 tấn (+52.5% t/t và +227.4% n/n).

Nhu cầu yếu gây ảnh hưởng kết quả kinh doanh

- Tổng sản lượng tiêu thụ 9T22 đạt 692,514 tấn, -13.2% n/n. Trong đó, sản lượng thép tôn giảm 16.3% n/n xuống 567,473 tấn và sản lượng ống thép cũng tăng 4.4% so với cùng kỳ lên 125,041 tấn.
- Tổng sản lượng xuất khẩu 9 tháng đầu năm 2022 (chiếm 59.3% tổng lượng tiêu thụ: 410,876 tấn) giảm 20.5% so với cùng kỳ trong khi sản lượng tiêu thụ nội địa (281,638 tấn) tăng 0.4% so với cùng kỳ.

Đánh giá

- Chúng tôi đánh giá NĂM GIỮ cho cổ phiếu NKG do tình hình ngành xấu hơn dự kiến về giá bán, khả năng cạnh tranh và tỷ suất lợi nhuận.

Khuyến nghị **Năm Giữ (Duy trì)**

Giá mục tiêu

Lợi nhuận

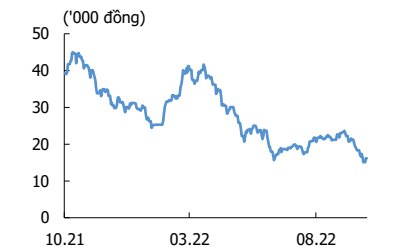
Thông kê

VNIndex (11/10, điểm)	1,006
Giá cp (11/10, đồng)	16,150
Vốn hóa (tỷ đồng)	178
SLCP lưu hành (triệu)	263
Cao/ Thấp 52 tuần (đồng)	44,966/15,100
GTGDTB 6T (tỷ đồng)	8.92
Tỷ lệ CP tự do / Sở hữu NN (%)	64.9/6.3
Cổ đông lớn (%)	
Hồ Minh Quang	15.4
Võ Hoàng Vũ	12.5

Biến động giá cổ phiếu

	1T	6T	12T
Tuyệt đối (%)	(29.8)	(55.3)	(58.9)
Tương đối với VNI (%p)	(10.4)	(23.9)	(32.1)

Xu hướng giá cổ phiếu



Nguồn: Bloomberg

	2020A	2021F	2022F	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ đồng)	11,560	28,173	24,300	22,568	25,883
Tăng trưởng (% n/n)	(5.1)	143.7	(13.7)	(7.1)	14.7
LN hoạt động (tỷ đồng)	509	2,749	1,607	1,694	1,941
LN ròng (tỷ đồng)	295	2,225	1,255	1,340	1,414
EPS (đồng)	1,547	10,059	4,756	5,081	5,362
Tăng trưởng (% n/n)	539.7	550.4	(52.7)	6.8	5.5
EBITDA (tỷ đồng)	886	3,128	1,991	2,138	2,446
PE (x)	15.0	2.3	4.9	4.6	4.3
EV/EBITDA (x)	7.5	2.5	4.1	3.6	3.3
PB (x)	1.3	0.9	0.9	0.8	0.7
ROE (%)	9.5	50.0	20.1	18.3	16.7
Suất sinh lợi cổ tức (%)	0.0	0.0	3.6	3.6	3.6

Ghi chú: LN ròng, EPS and ROE dựa trên lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ.

Hải Nguyễn

hai.nt@kisvn.vn

Bảng 1. Tăng trưởng doanh số

(Tấn)

	Tháng				Lũy kế		
	09/21	09/22	t/t (%)	n/n (%)	9T21	9T22	n/n (%)
Ông Thép	5,894	19,295	52.5	227.4	119,779	125,041	4.4
Xuất khẩu	0	0	N.A	N.A	244	0	(100.0)
Nội địa	5,894	19,295	52.5	227.4	119,535	125,041	4.6
Tôn mạ	96,902	43,159	(0.0)	(55.5)	677,835	567,473	(16.3)
Xuất khẩu	82,218	23,067	(20.0)	(71.9)	516,771	410,876	(20.5)
Nội địa	14,684	20,092	40.1	36.8	161,064	156,597	(2.8)
Tổng doanh số	102,796	62,454	11.9	(39.2)	797,614	692,514	(13.2)
Xuất khẩu	82,218	23,067	(20.0)	(71.9)	517,015	410,876	(20.5)
Nội địa	20,578	39,387	45.9	91.4	280,599	281,638	0.4

Nguồn: Dữ liệu công ty, VSA, KIS

Bảng 2. Tăng trưởng sản xuất

(Tấn)

	Tháng				Lũy kế		
	09/21	09/22	t/t (%)	n/n (%)	9T21	9T22	n/n (%)
Ông Thép							
Sản xuất	5,893	17,080	22.3	189.8	111,785	121,536	8.7
Tồn kho	2,245	N.A	N.A	N.A			
Tôn mạ							
Sản xuất	102,788	45,328	1.1	(55.9)	755,141	585,258	(22.5)
Tồn kho	104,349	N.A	N.A	N.A			
Tổng							
Sản xuất	108,681	62,408	6.2	(42.6)	866,926	706,794	22.7
Tồn kho	106,594						

Nguồn: Dữ liệu công ty, VSA, KIS

Tổng quan công ty

Thành lập vào năm 2002, Thép Nam Kim là một trong những công ty dẫn đầu trong mảng sản xuất & kinh doanh tôn mạ và ống thép (chiếm 13% thị trường tính tháng 6 năm 2021) tại Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2020F	2021A	2022F	2023F	2024F
Tài sản ngắn hạn	4,492	12,216	12,422	12,074	12,662
Tiền và tương đương tiền	589	1,199	2,060	2,662	2,172
Phải thu	1,438	1,902	2,350	2,183	2,432
Hàng tồn kho	2,371	8,281	7,575	6,801	7,488
Tài sản dài hạn	3,271	3,182	2,993	4,075	5,101
Tài sản cố định	3,127	2,771	2,536	3,591	4,586
Đầu tư tài chính	82	184	184	184	184
Khác	154	1,061	710	729	899
Tổng tài sản	7,763	15,398	15,415	16,149	17,763
Người mua trả tiền trước	346	583	243	226	259
Doanh thu chưa thực hiện	0	0	0	0	0
Phải trả người bán	1,070	4,879	3,847	3,373	3,744
Phải trả khác	164	393	403	413	423
Nợ ngắn hạn và TP đến hạn	2,520	3,773	4,073	4,073	4,073
Nợ và TP dài hạn	482	47	97	197	207
Tổng nợ và phải trả	4,582	9,675	8,663	8,282	8,706
VCSH	3,181	5,723	6,753	7,868	9,057
Vốn điều lệ	1,820	2,184	2,622	2,622	2,622
Thặng dư	766	786	786	786	786
Quỹ khác	97	117	119	120	121
LN giữ lại	576	2,636	3,227	4,341	5,528
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng VCSH	3,181	5,723	6,753	7,868	9,057

Bảng lưu chuyển tiền tệ

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F	2024F
Dòng tiền hoạt động	16	(308)	860	2,201	1,188
LN ròng	295	2,225	1,255	1,340	1,414
Khấu hao và khấu trừ	376	379	385	445	505
Tăng vốn lưu động ròng	(655)	(2,912)	(780)	416	(731)
Dòng tiền đầu tư	346	(309)	(154)	(1,504)	(1,494)
Tài sản cố định	(54)	(145)	(150)	(1,500)	(1,500)
Tăng đầu tư tài chính	400	(164)	(4)	(4)	6
Dòng tiền tài chính	(218.2)	1,150.0	131.6	(118.4)	(208.4)
Tăng vốn chủ	(78)	334	0	0	0
Tăng nợ	(67)	862	350	100	10
Chi trả cổ tức	0	0	(218)	(218)	(218)
Dòng tiền khác	0	(1)	0	0	0
Tăng tiền mặt	143	533	838	578	(514)

Kết quả kinh doanh

(Tỷ đồng)

Cuối T12 năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F	2024F
Doanh thu	11,560	28,173	24,300	22,568	25,883
Giá vốn hàng bán	10,691	23,904	21,600	19,859	22,777
Lợi nhuận gộp	869	4,270	2,700	2,709	3,106
Chi phí bán hàng & QLDN	360	1,521	1,094	1,016	1,165
LN hoạt động	509	2,749	1,607	1,694	1,941
Doanh thu tài chính	89	199	170	158	181
Thu nhập lãi	27	15	19	20	31
Chi phí tài chính	281	398	340	316	362
Chi phí lãi vay	222	244	334	342	385
LN khác	4	11	7	7	8
Lãi (lỗ) từ LD&LK	0	0	0	0	0
LN trước thuế	321	2,562	1,444	1,542	1,768
Thuế TNDN	26	337	189	202	354
LN sau thuế	295	2,225	1,255	1,340	1,414
LN ròng cho công ty mẹ	295	2,225	1,255	1,340	1,414
EBITDA	886	3,128	1,991	2,138	2,446

Chỉ số tài chính

Cuối T12 năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F	2024F
Dữ liệu trên mỗi cp (đồng, điều chỉnh)					
EPS	1,547	10,059	4,756	5,081	5,362
BPS	17,478	26,205	25,756	30,009	34,543
DPS	0	0	833	833	833
Tăng trưởng (%)					
Doanh thu	(5.1)	143.7	(13.7)	(7.1)	14.7
LN hoạt động	709.7	439.8	(41.6)	5.4	14.6
LN ròng	524.3	653.6	(43.6)	6.8	5.5
EPS	539.7	550.4	(52.7)	6.8	5.5
EBITDA	75.4	253.0	(36.3)	7.4	14.4
Khả năng sinh lợi (%)					
Biên LN hoạt động	4.4	9.8	6.6	7.5	7.5
Biên LN ròng	2.6	7.9	5.2	5.9	5.5
Biên EBITDA	7.7	11.1	8.2	9.5	9.5
ROA	3.7	19.2	8.1	8.5	8.3
ROE	9.5	50.0	20.1	18.3	16.7
Suất sinh lợi cổ tức	0.0	0.0	3.6	3.6	3.6
Tỷ lệ chi trả cổ tức	0.0	0.0	17.5	16.4	15.5
Đòn bẩy					
Nợ ròng (Tỷ đồng)	2,414	2,621	2,110	1,608	2,107
Nợ ròng/VCSH (%)	80.0	50.0	30.0	20.0	20.0
Định giá (x)					
PE	15.0	2.3	4.9	4.6	4.3
PB	1.3	0.9	0.9	0.8	0.7
EV/EBITDA	7.5	2.5	4.1	3.6	3.3

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**

- MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
- Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
- Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
- CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

■ **Nguyên tắc đánh giá của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam với ngành trong 12 tháng tới**

- Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
- Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

■ **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

■ **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam hoặc các bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 17/10/2022.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.

Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 17/10/2022.

CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam đã phát hành chứng quyền có đảm bảo với cổ phiếu Thép Nam Kim (NKG) và hiện là công ty tạo lập thị trường.

Người thực hiện: Hải Nguyễn

Miễn Trừ Trách Nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2022 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.